

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS-ST

Ngày: 29-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Ngọc Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phan Văn Huỳnh**

2. Bà **Lê Thị Hoàng Liễu**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Xuân Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 770/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: 90A/48 đường Á, Phường B, Quận T, TP. HCM.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: D3/18, ấp B, xã Q, huyện B, TP. HCM.

2.2. Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: D8A/34, ấp B, xã Q, huyện B, TP. HCM.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 90A/48 đường Á, Phường B, Quận T, TP. HCM.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày như sau:**

Vào ngày 01/11/2016, tôi có cho ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Kim N vay số tiền 250.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 01/11/2016 tại trụ sở Văn Công chứng Bình Hưng số A24/3 Quốc lộ 50 Ấp M, xã B, huyện B, TP. HCM.

- Thời gian vay là 3 năm
- Lãi suất vay: 1%/tháng

Vào ngày 07/6/2017, bà N vay thêm số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 07/6/2017 tại trụ sở Văn phòng Công chứng B số A24/3 Quốc Lộ 50 Ấp M, xã B, huyện B, TP. HCM.

- Thời hạn vay là 1 năm
- Lãi suất vay: do 2 bên tự thỏa thuận

Vào ngày 23/3/2017, bà N mượn thêm 50.000.000 đồng (không giấy tờ)

Nhưng đến thời điểm này ông H, bà N chỉ trả tiền lãi cho tôi đến ngày 16/7/2017. Tôi đã nhiều lần liên hệ với ông H, bà N để yêu cầu ông H, bà N trả lại tiền gốc và lãi cho tôi nhưng ông H, bà N cứ trốn tránh và không chịu trả cho tôi.

Nhận thấy ông H, bà N vay tiền tôi nhưng không chịu trả tiền lãi theo thỏa thuận cứ kéo dài thời gian là trái với thỏa thuận giữa các bên và vi phạm pháp luật. Gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi.

Nay tôi xác định yêu cầu cụ thể như sau:

Tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim N cùng trả cho tôi số tiền như sau:

1. Số tiền gốc cho vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/11/2019 (27 tháng) là  $250.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} = 67.500.000 \text{ đồng}$  theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 01/11/2016 giữa bà T với ông H, bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 01/11/2016.

2. Số tiền gốc cho vay là 50.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 07/6/2017 giữa bà T với bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 07/6/2017 và Biên nhận ngày 07/6/2017 giữa bà Thủy với ông H, bà N.

Tổng cộng số tiền phải trả là 367.500.000 đồng (ba sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, tôi không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị T Thủy vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

**Bị đơn - ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.**

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Minh T trình bày:**

Số tiền bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim N trả lại theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 770/TB-TLVA ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện B là tài sản riêng của bà T.

Tôi không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án. Tôi không có liên quan gì đến vụ án này.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Trần Minh T vắng mặt (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản với Ông Nguyễn Thanh H, Bà Nguyễn Thị Kim N đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông Nguyễn Thanh H, Bà Nguyễn Thị Kim N cư trú tại huyện B. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị Thanh T, Ông Trần Minh T vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Ông Nguyễn Thanh H, Bà Nguyễn Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228, điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Nguyễn Thị Thanh T, Ông Trần Minh T, Ông Nguyễn Thanh H, Bà Nguyễn Thị Kim N.

[3] Theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 01/11/2016 giữa bà T với ông H, bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 01/11/2016, thể hiện: ông H, bà N có vay của bà T số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày hai bên ký hợp đồng này, lãi suất 1%/tháng.

Theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 07/6/2017 giữa bà T với bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 07/6/2017 và Biên nhận ngày 07/6/2017 giữa bà T với ông H, bà N, thể hiện: ông H, bà N có vay của bà T số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng này.

[4] Bà Nguyễn Thị Thanh T xác định: yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim N cùng trả cho bà T số tiền như sau:

Số tiền gốc cho vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/11/2019 (27 tháng) là  $250.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} = 67.500.000 \text{ đồng}$  theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 01/11/2016 giữa bà T với ông H, bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 01/11/2016.

Số tiền gốc cho vay là 50.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 07/6/2017 giữa bà Thủy với bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 07/6/2017 và Biên nhận ngày 07/6/2017 giữa bà Thủy với ông H, bà N.

Tổng cộng số tiền phải trả là 367.500.000 đồng (ba sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”.*

[6] Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, quy định về lãi suất:

*“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.*

*2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”.*

[6] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh T, cụ thể như sau:

Buộc Ông Nguyễn Thanh Hòa, Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc trả lại Bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền như sau:

- Số tiền gốc cho vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/11/2019 (27 tháng) là  $250.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} = 67.500.000 \text{ đồng}$  theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 01/11/2016 giữa bà Thủy với ông H, bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 01/11/2016.

- Số tiền gốc cho vay là 50.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 07/6/2017 giữa bà T với bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 07/6/2017 và Biên nhận ngày 07/6/2017 giữa bà Thủy với ông H, bà N.

Tổng cộng số tiền phải trả là 367.500.000 đồng (ba sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 18.375.000 đồng (mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 2.761.555 đồng (hai triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0079033 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 305, Khoản 1 Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc Ông Nguyễn Thanh H, Bà Nguyễn Thị Kim N trả cho Bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền như sau:

- Số tiền gốc cho vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/11/2019 (27 tháng) là 250.000.000 đồng x 1%/tháng x 27 tháng = 67.500.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 01/11/2016 giữa bà T với ông H, bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 01/11/2016.

- Số tiền gốc cho vay là 50.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 07/6/2017 giữa bà T với bà N, được công chứng tại Văn phòng Công chứng B ngày 07/6/2017 và Biên nhận ngày 07/6/2017 giữa bà T với ông H, bà N.

Tổng cộng số tiền phải trả là 367.500.000 đồng (ba sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 18.375.000 đồng (mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 2.761.555 đồng (hai triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0079033 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Hải**